

Bản án số: **32/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 30.8.2018

V/v: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đồi**

Ông **Nguyễn Kim Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết N** – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 45, Thành Vinh 6, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Quang T** – Sinh năm: 1977

Nơi ĐKKHKT: Tổ 45 Thành Vinh 6, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 79 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Quang T kết hôn vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại tổ 45 phường T, quận S, Tp Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của cả hai không hợp nhau, ông T thường xuyên say xỉn, về nhà chửi bới xúc phạm vợ con làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2011, ngay sau khi bà sinh đứa thứ ba thì ông T đã bỏ về cha mẹ đẻ của ông sinh sống, ông bà ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với ông T không còn, do đó bà xin được ly hôn với chồng bà là ông Đỗ Quang T.

- Về quan hệ con chung: Bà xác định giữa bà và ông T có 03 con chung: Đỗ Quang H- Sinh ngày: 16/02/2001, Đỗ Nguyễn Đoàn T- Sinh ngày: 02/7/2002; Đỗ Nguyễn Tâm Đ- Sinh ngày: 22/7/2011. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, không yêu cầu ông Đỗ Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà xác định về phần tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N xác định không có.

* Đối với bị đơn – ông Đỗ Quang T mặc dù đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Đỗ Quang T đều vắng mặt nên không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án không có cơ sở để xem xét yêu cầu và nguyện vọng của ông Đỗ Quang T.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Quang T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Ông Đỗ Quang T và bà Nguyễn Thị Tuyết N đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 14/01/2001. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau tại tổ 45 phường T, quận S, Tp Đà Nẵng. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà N là do tính tình và quan điểm sống của cả hai không hợp nhau, ông T thường xuyên say xỉn, về nhà chửi bới xúc phạm vợ con làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Tại phiên tòa hôm nay, bà N xác định không còn yêu thương ông T nữa, bà xin được ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với ông Đỗ Quang T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà N và ông T lại không làm được điều này. Qua xác minh tại địa phương thì được biết ông T không còn sinh sống với bà N từ nhiều năm nay. Riêng đối với ông Đỗ Quang T, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Đỗ Quang T đều vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Việc này cho thấy ông Đỗ Quang T không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà N xác định có 03 con chung Đỗ Quang H- Sinh ngày: 16/02/2001, Đỗ Nguyễn Đoàn T- Sinh ngày: 02/7/2002, Đỗ Nguyễn Tâm Đ- Sinh ngày: 22/7/2011. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, không yêu cầu ông Đỗ Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà N thì thấy: Sau khi ông T bỏ đi, một mình bà N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Hiện tại cả 03 cháu Đỗ Quang H, Đỗ Nguyễn Đoàn T, Đỗ Nguyễn Tâm Đ đều đang ở với mẹ, môi trường sinh sống và học tập đã ổn định nên cần giao các cháu cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc để các cháu phát triển đầy đủ và toàn diện là phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu của bà N là hoàn toàn chính đáng. Do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà N xác định không có. Còn ông T do vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội

đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với ông Đỗ Quang T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn ông Đỗ Quang T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với ông Đỗ Quang T nên giấy chứng nhận kết hôn số 03 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/01/2001 cho bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Đỗ Quang T không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đỗ Quang H- Sinh ngày: 16/02/2001, Đỗ Nguyễn Đoàn T- Sinh ngày: 02/7/2002, Đỗ Nguyễn Tâm Đ- Sinh ngày: 22/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Đỗ Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 8697 ngày 08/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T,
Q. S, Tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ TRÂM